

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2016/QĐ-UBND

An Giang, ngày 30 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giới: S.....
	Ngày: 06/7/2016

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP 04 tháng 03 năm 2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết về một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 23/2010/TT-BTP ngày 06 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 03 năm 2010 của Chính phủ bán đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 03/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá và lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tư pháp quy định việc tổ

chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 227/TTr-STNMT ngày 21 tháng 6 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 47/2009/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra Văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Báo An Giang, Đài PTTH An Giang;
- Website An Giang;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, P.KTTH, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Văn Nưng

QUY CHẾ

**Đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất
hoặc cho thuê đất áp dụng trên địa bàn tỉnh An Giang**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 31/2016/QĐ-UBND
ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất (bao gồm tài sản gắn liền với đất) trên địa bàn tỉnh An Giang (sau đây gọi tắt là đấu giá quyền sử dụng đất).

Trường hợp đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất công do nhà nước quản lý quy định tại Điều 5 của Quy chế này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật về đấu thầu. Riêng việc xác định giá đất để tổ chức đấu thầu thực hiện theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, bán đấu giá tài sản, thu tiền sử dụng đất và tiền thuê đất; các đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá, đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc đấu giá quyền sử dụng đất.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất là Trung tâm Phát triển quỹ đất hoặc cơ quan, tổ chức có chức năng được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất.

2. Đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất là tổ chức có chức năng bán đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về đấu giá tài sản và quy định của pháp luật khác có liên quan hoặc Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định thành lập trong trường hợp đặc biệt.

Điều 4. Nguyên tắc đấu giá quyền sử dụng đất

1. Đấu giá quyền sử dụng đất được thực hiện công khai, liên tục, khách quan, trung thực, bình đẳng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia.

2. Việc đấu giá quyền sử dụng đất phải đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Điều 5. Quỹ đất được sử dụng để đấu giá quyền sử dụng đất

Quỹ đất được sử dụng để đấu giá quyền sử dụng đất bao gồm:

1. Đất Nhà nước thu hồi để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo quy định tại Điều 62 của Luật Đất đai; thu hồi do vi phạm pháp luật về đất đai theo quy định tại Khoản 1 Điều 64 của Luật Đất đai; thu hồi do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất theo quy định tại các Điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều 65 của Luật Đất đai.

2. Đất Nhà nước thu hồi do sắp xếp lại, xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh mà tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu nhà nước.

3. Đất do Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Trung tâm Phát triển quỹ đất được giao quản lý mà Nhà nước chưa giao hoặc cho thuê để sử dụng theo quy định của pháp luật.

4. Đất do các tổ chức được giao để quản lý theo quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản 1 Điều 8 của Luật Đất đai được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao, cho thuê để sử dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Điều kiện thửa đất được tổ chức đấu giá

1. Đã có kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện; quy hoạch chi tiết được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đất đã được giải phóng mặt bằng, đất có tài sản gắn liền với đất mà tài sản thuộc sở hữu nhà nước, đất đã được đo đạc xác định diện tích cụ thể và không có tranh chấp, khiếu nại.

3. Có quyết định của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao quản lý, khai thác.

4. Có phương án đấu giá, quyết định đấu giá và giá khởi điểm được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Điều kiện được đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất

Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền sử dụng đất phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Luật Đất đai.

2. Có đủ năng lực tài chính.

3. Không vi phạm quy định của pháp luật về đất đai.

4. Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê; dự án đầu tư kinh doanh bất động sản gắn với quyền sử dụng đất; dự án sản xuất, kinh doanh thì nhà đầu tư phải đáp ứng điều kiện theo Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Điều 8. Đối tượng không được tham gia đấu giá quyền sử dụng đất

1. Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc người tại thời điểm đấu giá không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình.

2. Người làm việc trong tổ chức bán đấu giá tài sản, nơi thực hiện việc bán đấu giá tài sản đó, cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của người đó; người trực tiếp giám định, định giá tài sản, cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của người đó.

3. Người được chủ sở hữu ủy quyền bán tài sản; người có thẩm quyền quyết định bán tài sản nhà nước; người ký hợp đồng thuê tổ chức bán đấu giá tài sản để bán đấu giá tài sản nhà nước; cá nhân, tổ chức có quyền bán tài sản của người khác theo quy định của pháp luật.

4. Người không được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất; người không thuộc trường hợp được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 9. Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp đặc biệt

1. Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp đặc biệt được thành lập để thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất đối với các trường hợp sau đây:

a) Thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án có giá trị lớn khi giá trị quyền sử dụng đất của toàn bộ thửa đất tính theo giá đất trong bảng giá đất từ 500 tỷ đồng trở lên;

b) Thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án đầu tư hoặc giao đất ở cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã thuộc địa bàn miền núi cách trung tâm tỉnh lỵ từ 60 km trở lên mà tại địa bàn huyện nơi giao đất, cho thuê đất không có tổ chức có chức năng bán đấu giá theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai, quyết định thành lập Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất đối với các trường hợp đặc biệt quy định tại Khoản 1 Điều này cho từng trường hợp cụ thể.

3. Thành phần Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất gồm đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật làm Chủ tịch Hội đồng; đại

diện các cơ quan tài nguyên và môi trường, tư pháp, tài chính, xây dựng cùng cấp và cơ quan, tổ chức khác có liên quan là ủy viên.

Điều 10. Hình thức đấu giá quyền sử dụng đất

Hình thức đấu giá được áp dụng khi thực hiện cuộc bán đấu giá phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trong phương án đấu giá quyền sử dụng đất. Các hình thức đấu giá:

1. Đấu giá trực tiếp bằng lời nói.
2. Đấu giá bằng bỏ phiếu.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 11. Lập phương án đấu giá quyền sử dụng đất

1. Đơn vị thực hiện lập phương án đấu giá quyền sử dụng đất:

Căn cứ kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện và quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt, đơn vị đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý quỹ đất lập phương án đấu giá quyền sử dụng đất trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt. Đơn vị lập phương án đấu giá gồm:

a) Trung tâm Phát triển quỹ đất lập phương án đấu giá đối với các thửa đất được giao quản lý, khai thác.

b) Phòng Tài nguyên và Môi trường lập phương án đấu giá đối với các thửa đất do Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quản lý, khai thác.

2. Nội dung chính của phương án đấu giá quyền sử dụng đất bao gồm:

a) Danh mục loại đất, vị trí, diện tích và hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền với các thửa đất đấu giá (nếu có);

b) Mục đích, hình thức (giao đất hoặc cho thuê đất), thời hạn sử dụng của các thửa đất khi đấu giá quyền sử dụng đất;

c) Dự kiến giá khởi điểm để đấu giá;

d) Dự kiến thời gian tổ chức thực hiện đấu giá các thửa đất;

đ) Đối tượng và điều kiện được tham gia đấu giá; mức phí tham gia đấu giá và khoản tiền đặt trước phải nộp khi tham gia đấu giá;

e) Hình thức đấu giá được áp dụng khi thực hiện cuộc bán đấu giá;

g) Kinh phí, nguồn chi phí tổ chức thực hiện việc đấu giá;

h) Dự kiến giá trị thu được và đề xuất việc sử dụng nguồn thu từ kết quả đấu giá;

i) Phương thức lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá (đấu thầu rộng rãi hoặc giao đơn vị cụ thể thực hiện) hoặc đề xuất thành lập Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp đặc biệt (đối với trường hợp được thành lập Hội đồng đấu giá đặc biệt theo quy định).

k) Đề xuất đơn vị được giao tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất.

Điều 12. Thẩm định, phê duyệt phương án đấu giá và quyết định đấu giá quyền sử dụng đất:

1. Thẩm định hoặc có ý kiến và phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất:

a) Trường hợp phương án đấu giá quyền sử dụng đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất lập thì gửi hồ sơ đến Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án đấu giá và ban hành quyết định đấu giá.

b) Trường hợp phương án đấu giá quyền sử dụng đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường lập thì Ủy ban nhân dân huyện có văn bản đề nghị và hồ sơ gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến thống nhất trước khi Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án đấu giá và ban hành quyết định đấu giá.

2. Hồ sơ trình thẩm định hoặc có ý kiến về phương án đấu giá quyền sử dụng đất:

a) Văn bản đề nghị thẩm định hoặc có ý kiến về phương án đấu giá quyền sử dụng đất của Trung tâm Phát triển quỹ đất hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với trường hợp phương án do Phòng Tài nguyên và Môi trường lập);

b) Quyết định giao đất cho đơn vị quản lý, khai thác của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Phương án đấu giá quyền sử dụng đất (dự thảo);

d) Thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng chi tiết liên quan đến thửa đất đấu giá đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

đ) Trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính thửa đất đấu giá trong trường hợp chưa có bản đồ địa chính;

e) Tên, địa chỉ của đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất;

g) Các văn bản khác có liên quan.

3. Nội dung chính của quyết định đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất.

4. Thời gian thẩm định hoặc có ý kiến về phương án đấu giá quyền sử dụng đất là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Trong quá trình thẩm định hoặc có ý kiến về phương án đấu giá quyền sử dụng đất, nếu cần thiết thì Sở Tài nguyên và Môi trường lấy ý kiến của Sở Xây dựng và các ngành có liên quan để đảm bảo tính khả thi của phương án.

Trường hợp chưa đủ cơ sở để thẩm định hoặc có ý kiến về phương án đấu giá, trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản cho cơ quan gửi hồ sơ đề nghị bổ sung.

5. Thời gian phê duyệt phương án đấu giá và ban hành quyết định đấu giá quyền sử dụng đất:

Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án đấu giá và ban hành quyết định đấu giá trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận văn bản đề xuất hoặc có ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 13. Xác định và phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá

1. Đơn vị thực hiện xác định và phê duyệt giá khởi điểm:

Sở Tài chính tổ chức xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất (gồm giá đất và giá trị tài sản gắn liền với đất nếu có) và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Hồ sơ đề nghị xác định giá khởi điểm để đấu giá:

Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị xác định giá khởi điểm tới Sở Tài chính. Hồ sơ gồm có:

a) Văn bản đề nghị xác định giá khởi điểm của đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất;

b) Phương án đấu giá quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Hồ sơ địa chính (thông tin diện tích, vị trí, mục đích sử dụng đất, hình thức thuê đất, thời hạn thuê đất,...);

3. Thời gian tổ chức xác định giá khởi điểm:

Sở Tài chính tổ chức xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị xác định giá khởi điểm để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Trường hợp chưa đủ cơ sở để xác định giá khởi điểm, trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài chính thông báo bằng văn bản cho cơ quan gửi hồ sơ đề nghị bổ sung. Sau khi nhận được đủ hồ sơ thì thời hạn hoàn thành là 10 (mười) ngày tính từ ngày nhận đủ hồ sơ bổ sung.

4. Thời gian phê duyệt giá khởi điểm:

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt giá khởi điểm trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận văn bản của Sở Tài chính.

5. Giá khởi điểm đấu giá được ổn định trong năm định giá, trường hợp giá khởi điểm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt vào Quý IV của năm định giá thì được ổn định đến cuối tháng 9 năm sau.

Trường hợp điều chỉnh mục đích, cơ cấu sử dụng đất đấu giá, hạ tầng kỹ thuật khu vực đất thay đổi hoặc hết thời gian ổn định thì phải tổ chức thực hiện xác định lại giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất. Trình tự xác định lại giá khởi điểm thực hiện như quy định đối với việc xác định giá khởi điểm lần đầu.

Điều 14. Lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất

1. Căn cứ phương thức lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá trong phương án đấu giá quyền sử dụng đất đã được phê duyệt; đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất lựa chọn và ký hợp đồng thuê đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

2. Trường hợp lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất theo phương thức đấu thầu rộng rãi thì tổ chức lựa chọn theo quy định tại Khoản 2 Điều 10 Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất.

Điều 15. Lập quy chế đấu giá quyền sử dụng đất

1. Đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất xây dựng, ban hành quy chế đấu giá quyền sử dụng đất cho từng thửa đất cụ thể sau khi đã thống nhất nội dung với đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất và thực hiện nghiêm túc quy chế trong quá trình tổ chức đấu giá.

2. Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá;
- b) Quy định về phí tham gia đấu giá, tiền đặt trước;
- c) Quy định về cách thức đấu giá;
- d) Nguyên tắc xác định bước giá;
- đ) Quy định về việc rút lại đăng ký tham gia đấu giá, xử lý khoản tiền đặt trước của người đăng ký tham gia đấu giá khi rút lại đăng ký tham gia đấu giá trong thời hạn đăng ký;
- e) Các trường hợp không được tiếp tục tham gia đấu giá;
- g) Các trường hợp không được trả lại tiền đặt trước;
- h) Nội dung cần thiết khác liên quan đến việc tổ chức bán đấu giá.

Điều 16. Niêm yết, thông báo công khai việc bán đấu giá

1. Đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất phải niêm yết việc bán đấu giá tại nơi bán đấu giá, nơi có thửa đất bán đấu giá, trụ sở của đơn

vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có thửa đất bán đấu giá chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày mở cuộc bán đấu giá, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Khi niêm yết tại nơi có thửa đất bán đấu giá thì đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất lưu tài liệu, hình ảnh về việc niêm yết trong hồ sơ hoặc lập văn bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất về việc đã niêm yết, thông báo công khai.

2. Đồng thời với việc niêm yết, đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất phải thông báo công khai ít nhất 02 (hai) lần, mỗi lần cách nhau 03 (ba) ngày trên Báo An Giang, thời hạn thông báo công khai được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Ngoài việc đăng tải thông tin theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản, đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất gửi thông tin liên quan về Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) để đăng tin trên Trang thông tin điện tử về tài sản nhà nước theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Niêm yết, thông báo công khai về việc bán đấu giá có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ của tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp hoặc Hội đồng bán đấu giá quyền sử dụng đất và cơ quan được giao xử lý việc bán đấu giá quyền sử dụng đất;

b) Thời gian, địa điểm bán đấu giá quyền sử dụng đất;

c) Danh mục, tình trạng của thửa đất bán đấu giá;

d) Giá khởi điểm của thửa đất bán đấu giá;

đ) Mục đích sử dụng đất của thửa đất bán đấu giá;

e) Địa điểm, thời hạn xem thông tin có liên quan thửa đất bán đấu giá;

g) Địa điểm, thời hạn tham khảo hồ sơ thửa đất bán đấu giá;

h) Địa điểm, thời hạn đăng ký mua thửa đất bán đấu giá;

i) Những thông tin cần thiết khác liên quan đến thửa đất bán đấu giá và những thông tin mà cơ quan được giao xử lý việc bán đấu giá quyền sử dụng đất yêu cầu thông báo công khai.

Điều 17. Đăng ký tham gia đấu giá

1. Người tham gia đấu giá nộp trực tiếp 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký và hoàn tất thủ tục đăng ký trong thời hạn do đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá thông báo, niêm yết công khai theo Điều 16 Quy chế này.

2. Phí tham gia đấu giá, khoản tiền đặt trước:

a) Phí tham gia đấu giá:

Người tham gia đấu giá phải nộp phí tham gia đấu giá theo quy định tại Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá, phí tham gia đấu giá tài sản và phí tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 36/2013/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2013 của UBND tỉnh An Giang; Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2012 và Thông tư số 03/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

b) Khoản tiền đặt trước:

Khoản tiền đặt trước tối thiểu là 1% và tối đa không quá 15% giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất. Khoản tiền đặt trước cụ thể của mỗi khu đất đấu giá (tỷ lệ % phải nộp trên giá khởi điểm) phải được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tại phương án đấu giá quyền sử dụng đất.

Đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá chỉ được thu tiền đặt trước của người đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất trong thời gian tối đa là 04 (bốn) ngày trước ngày tổ chức phiên bán đấu giá.

Đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá có trách nhiệm bảo quản an toàn khoản tiền đặt trước trong thời gian lưu giữ. Tùy điều kiện cụ thể, các tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp áp dụng các phương thức bảo quản: lưu giữ tại tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp hoặc trong tài khoản giao dịch tại Kho bạc nhà nước. Hội đồng đấu giá quyền sử dụng đất áp dụng các biện pháp bảo quản: lưu giữ tại cơ quan thường trực của Hội đồng hoặc gửi Kho bạc nhà nước.

Trường hợp người đăng ký tham gia đấu giá đã nộp khoản tiền đặt trước trúng đấu giá quyền sử dụng đất thì khoản tiền đặt trước được trừ vào số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp. Đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá nộp vào ngân sách nhà nước khoản tiền đặt trước của người trúng đấu giá trong thời hạn 02 (hai) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá phải hoàn trả toàn bộ khoản tiền đặt trước cho những người không trúng đấu giá chậm nhất là 02 (hai) ngày, kể từ ngày phiên bán đấu giá kết thúc, trừ các trường hợp sau:

- a) Người đăng ký tham gia đấu giá đã nộp khoản tiền đặt trước nhưng không tham gia cuộc bán đấu giá mà không thuộc trường hợp bất khả kháng.
- b) Người tham gia đấu giá rút lại giá đã trả bị truất quyền tham gia trả giá tiếp.
- c) Người vi phạm quy chế đấu giá, nội quy của cuộc đấu giá đó.
- d) Người trúng đấu giá nhưng từ chối nhận quyền sử dụng đất.

Điều 18. Xem thửa đất bán đấu giá

Người tham gia đấu giá được trực tiếp xem thửa đất và tài sản trên đất (nếu có) từ khi niêm yết và thông báo công khai việc đấu giá cho đến trước ngày mở cuộc bán đấu giá 02 (hai) ngày.

Điều 19. Giám sát thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất

1. Đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất đúng với trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và nội dung cụ thể tại hợp đồng thuê thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất.

2. Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm cử đại diện tham dự, giám sát việc thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất. Tùy từng trường hợp cụ thể, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất phối hợp với đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá mời đại diện cơ quan tài nguyên và môi trường, tư pháp, tài chính, chính quyền địa phương nơi có đất bán đấu giá và đại diện tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến tham dự, giám sát thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất.

Điều 20. Phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất

1. Thời gian bàn giao hồ sơ tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất:

Trong thời hạn không quá 03 (ba) ngày kể từ ngày đấu giá thành, đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm bàn giao hồ sơ tổ chức đấu giá cho đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất, hồ sơ bàn giao gồm có:

a) Hồ sơ niêm yết, thông báo đấu giá theo quy định tại Điều 16 Quy chế này;

b) Hồ sơ khách hàng đăng ký tham gia đấu giá;

c) Bản photo Biên nhận tiền đặt trước;

d) Biên bản chốt danh sách khách hàng tham gia đấu giá;

đ) Biên bản kết quả thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất;

e) Danh sách khách hàng trúng đấu giá.

2. Thời gian trình phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất:

Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận bàn giao hồ sơ từ đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất lập hồ sơ gửi cơ quan tài nguyên và môi trường.

Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất, cơ quan tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền đã quyết định đấu giá quyền sử dụng đất, ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất. Hồ sơ trình ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất bao gồm:

- a) Tờ trình ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất;
- b) Dự thảo quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất;
- c) Quyết định đấu giá quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền;
- d) Hồ sơ thửa đất đấu giá;
- đ) Hợp đồng thuê tổ chức thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất;
- e) Báo cáo về việc tổ chức thực hiện cuộc bán đấu giá và Biên bản kết quả bán đấu giá thành công quyền sử dụng đất.

3. Thời gian phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất:

Trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan tài nguyên và môi trường, Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền ký ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất đã bán đấu giá thành công gửi cho cơ quan tài nguyên và môi trường, đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất, cơ quan thuế và người trúng đấu giá quyền sử dụng đất.

Điều 21. Nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất sau khi có quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất

1. Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền, cơ quan thuế gửi thông báo nộp tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất và các nghĩa vụ khác có liên quan bằng văn bản cho người trúng đấu giá.

2. Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất có trách nhiệm nộp tiền sử dụng đất vào Kho bạc nhà nước, chuyển chứng từ cho đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá để lưu hồ sơ và chuyển chứng từ đã nộp tiền cho cơ quan tài nguyên và môi trường để làm thủ tục ký hợp đồng thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định.

Điều 22. Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất trên thực địa cho người trúng đấu giá

1. Sau khi đã nhận được hồ sơ và chứng từ nộp đủ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất, cơ quan tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; ký hợp đồng thuê đất đối với trường hợp thuê đất theo quy định.

2. Văn phòng Đăng ký đất đai chủ trì, phối hợp với đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tổ chức thực hiện bàn giao đất trên thực địa.

Chương III **XỬ LÝ MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT** **TRONG ĐẤU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

Điều 23. Các trường hợp hủy kết quả bán đấu giá quyền sử dụng đất

1. Hợp đồng bán đấu giá tài sản, hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá bị Tòa án tuyên bố vô hiệu hoặc bị hủy theo quy định của pháp luật dân sự.

2. Kết quả bán đấu giá bị hủy theo quyết định của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và theo quy định tại Khoản 3 Điều 56 Nghị định số 17/2010/NĐ-CP.

3. Kết quả bán đấu giá bị hủy theo quyết định hủy quyết định công nhận kết quả đấu giá quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền do người trúng đấu giá vi phạm việc thanh toán tiền trúng đấu giá theo quy định tại Điều 21 Quy chế này.

4. Trường hợp kết quả bán đấu giá tài sản bị hủy theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau tài sản đã nhận; nếu không hoàn trả được bằng hiện vật, thì phải trả bằng tiền. Bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Trường hợp kết quả bán đấu giá tài sản bị hủy theo quy định tại Khoản 3 Điều này thì khoản tiền đặt trước người trúng đấu giá đã nộp thuộc về người có tài sản bán đấu giá.

Điều 24. Các trường hợp không phải đấu giá quyền sử dụng đất

Cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất chỉ được tiến hành khi có từ hai người trở lên tham gia đấu giá. Sau khi hết thời gian đăng ký tham gia đấu giá, nếu chỉ có một người đăng ký thì đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất thông báo bằng văn bản và cung cấp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá của người đó cho đơn vị tổ chức thực hiện việc bán đấu giá quyền sử dụng đất biết.

Trường hợp người đăng ký tham gia đấu giá là hộ gia đình, cá nhân và đủ điều kiện theo quy định, đơn vị tổ chức thực hiện việc bán đấu giá quyền sử dụng đất báo cáo cơ quan tài nguyên và môi trường cùng cấp thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền đã quyết định đấu giá quyền sử dụng đất chấp thuận giao đất hoặc cho thuê đất chỉ định.

Trường hợp người đăng ký tham gia đấu giá là tổ chức và đủ điều kiện theo quy định thì đơn vị tổ chức thực hiện việc bán đấu giá quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề nghị và gửi hồ sơ đến Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận giao đất hoặc cho thuê đất chỉ định.

Điều 25. Xử lý trường hợp giao đất có chênh lệch diện tích

Trường hợp khi kiểm tra, lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá, nếu diện tích đất thực tế chênh lệch so với quyết định phê duyệt kết quả đấu giá thì cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích thực tế. Người trúng đấu giá quyền sử dụng đất nộp bổ sung tiền sử

dụng đất trong trường hợp diện tích đất chênh lệch tăng; hoặc được ngân sách thoả thu tiền sử dụng đất trong trường hợp diện tích đất chênh lệch giảm theo đơn giá đất bình quân trúng đấu giá.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 26. Trách nhiệm của đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất

Tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Quy chế này.

Tham mưu cho cấp có thẩm quyền các vấn đề liên quan việc tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất.

Điều 27. Trách nhiệm của đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất

Tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về quyền, nghĩa vụ và các nhiệm vụ về bán đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Quy chế này.

Điều 28. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm trong đó thể hiện đầy đủ từng thửa đất, từng dự án đấu giá quyền sử dụng đất, trình Ủy ban nhân tỉnh phê duyệt.

2. Xác nhận tình trạng sử dụng đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang cho tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu để hoàn chỉnh hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá quyền sử dụng đất.

3. Trình Ủy ban nhân tỉnh ban hành quyết định giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai; ký hợp đồng cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá theo thẩm quyền.

4. Thực hiện công bố danh mục các dự án đấu giá quyền sử dụng đất đối với các khu đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất tổ chức thực hiện trên trang thông tin điện tử của Sở.

Điều 29. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xác định giá khởi điểm trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để đấu giá quyền sử dụng đất.

2. Hướng dẫn việc thanh toán các khoản phí, chi phí cho các đơn vị, tổ chức liên quan trong việc tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Kiểm tra, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, sử dụng tiền thu được từ đấu giá quyền sử dụng đất.

Điều 30. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Cấp Chứng chỉ quy hoạch theo thẩm quyền hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép quy hoạch theo thẩm quyền đối với khu đất bán đấu giá làm cơ sở xác định giá khởi điểm.

2. Hướng dẫn, thanh tra việc thực hiện dự án của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền sử dụng đất nhằm đảm bảo dự án tuân thủ quy hoạch xây dựng đã được cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

3. Xử lý hoặc chuyển cơ quan thẩm quyền xử lý các vi phạm trong lĩnh vực xây dựng theo quy định.

Điều 31. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Thông báo danh sách đấu giá viên và các tổ chức đấu giá chuyên nghiệp có chức năng, đủ điều kiện tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

2. Hướng dẫn nghiệp vụ đấu giá cho các đơn vị thực hiện cuộc bán đấu giá quyền sử dụng đất.

3. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm về tổ chức, hoạt động bán đấu giá theo thẩm quyền.

Điều 32. Trách nhiệm của Cục Thuế tỉnh

1. Thông báo cho người trúng đấu giá nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo kết quả trúng đấu giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hướng dẫn, chỉ đạo Chi cục Thuế thu, nộp tiền trúng đấu giá và các khoản thu khác của người trúng đấu giá theo quy định.

2. Kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp việc thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo kết quả trúng đấu giá; đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm quy định về đấu giá quyền sử dụng đất.

Điều 33. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Lập kế hoạch sử dụng đất hằng năm trong đó thể hiện đủ danh mục công trình, dự án đấu giá quyền sử dụng đất, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất, quyết định đấu giá quyền sử dụng đất và ban hành quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất theo thẩm quyền (trường hợp quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất cho tổ chức thì báo cáo kết quả cho Ủy ban nhân dân tỉnh).

3. Quyết định giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người trúng đấu giá theo thẩm quyền.

4. Thực hiện điều chỉnh quy hoạch theo thẩm quyền.

5. Thực hiện công bố danh mục các dự án đấu giá quyền sử dụng đất trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 34. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Lập kế hoạch đấu giá quyền thuê đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản thuộc quỹ đất công ích, đất bãi bồi ven sông, đất chưa sử dụng do xã quản lý, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền thuê quỹ đất công ích, đất bãi bồi ven sông, đất chưa sử dụng của xã, phường, thị trấn để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo quy định.

3. Quản lý tiền thu được từ việc đấu giá quyền thuê đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản thuộc quỹ đất công ích, đất bãi bồi ven sông, đất chưa sử dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 132 Luật Đất đai.

Điều 35. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, các Sở, Ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh có chỉ đạo kịp thời. /

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]
Lê Văn Nưng